

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 05-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hùng Vương

Ông Đỗ Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022, tại Hội trường xét xử Hình sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 11/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 20/7/2022 đối với bị cáo:

Nông Thị H, sinh ngày 19/7/1995 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L, sinh năm 1971 và bà Hà Thị H, sinh năm 1975; có chồng là Lương Việt C, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/4/2022 (có mặt)

- Bị hại:

+ Phùng Minh B, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 09 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (vắng mặt không lý do)

+ Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 04 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cao Văn L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/01/2022 bị cáo Nông Thị H đi từ thành phố Hà Nội lên nghỉ trọ tại phường N, thành phố H để chờ sinh con. Trong thời gian này H bị đối tượng cho vay tiền qua App (*Ứng dụng vay tiền online*) đòi tiền và đe dọa đăng tải thông tin, hình ảnh cá nhân lên mạng xã hội. Lo sợ bị các đối tượng gây ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân và gia đình nên H đã nảy sinh ý định lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tiền nhằm mục đích trả nợ, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 13 giờ ngày 29/01/2022 H đi taxi đến cửa hàng điện thoại tại số nhà 53, tổ 9, phường M, thành phố H của anh Phùng Minh B và nói với B *“Em chuyển giúp chị 10.000.000 đồng”*, do tài khoản B không đủ tiền nên B chỉ đồng ý chuyển giúp H số tiền 6.000.000 đồng. B sử dụng tài khoản VietinBank số 103828999996 mang tên Phùng Minh B chuyển số tiền 6.000.000 đồng đến tài khoản VietinBank số 106005145426 tên tài khoản là Cao Văn L, tài khoản này L đã giao cho H quản lý và sử dụng. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo được cài đặt ứng dụng quản lý tài khoản ngân hàng của Cao Văn L và chuyển số tiền 6.000.000 đồng để trả nợ. Sau khi chuyển tiền, anh B yêu cầu H trả lại số tiền 6.000.000 đồng, H nói chờ nhận được tiền sẽ trả lại, sau đó lợi dụng anh B làm việc H đã bỏ đi.

Lần 2: Sau khi ra khỏi quán điện thoại của anh B, Nông Thị H đi taxi đến Chi nhánh Viettel Hà Giang tại tổ 13, phường N, thành phố H gặp giao dịch viên là chị Nguyễn Thị H đang trực tại quầy giao dịch. H nói với chị H1 *“Chị ơi giúp em chuyển tiền với, số tiền là 10.000.000 đồng với nội dung em H lấy tiền hàng”*, thấy H đang mang thai nên H1 tin tưởng và sử dụng tài khoản cá nhân của ngân hàng MBbank số TK 9704229286933598 mang tên Nguyễn Thị H chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến số tài khoản 103828999996 của Cao Văn L. Sau khi nhận được tiền, H ra ngoài quầy ngồi và sử dụng điện thoại chuyển số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ. Khoảng 15 phút sau H tiếp tục đến gặp chị H1 và nói *“Chị chuyển tiếp hộ em số tiền 15.000.000 đồng nữa với nội dung: Em H lấy tiền hàng, để em ra đếm tiền trả cho chị”*, chị H1 đồng ý và tiếp tục sử dụng tài khoản cá nhân mang tên Nguyễn Thị H chuyển số tiền 15.000.000 đồng đến tài khoản của Cao Văn L. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng điện thoại chuyển tiếp số tiền 15.000.000 đồng để trả nợ. Sau đó, chị H1 yêu cầu H trả tiền, H nói *“em giờ không có tiền, chị chờ em đến tối người nhà em gửi tiền thì em gửi cho chị”*, chị H1 không đồng ý và đã trình báo cơ quan công an.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSTPHG ngày 08/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nông Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan

Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị hại Phùng Minh B xác nhận bị cáo Nông Thị H đã bồi thường cho anh số tiền 6.000.000đ, anh B không có yêu cầu, đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (BL 85). Bị hại Nguyễn Thị H xác nhận lời khai của Nông Thị H tại phiên tòa là đúng, chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền đã chiếm đoạt là 25.000.000đ. Ngoài ra chị H1 không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nông Thị H. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX:

1. Tuyên bố bị cáo: Nông Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điều 174 BLHS 2015.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS 2015; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nông Thị H từ 13 tháng đến 15 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xét thấy bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn lại nuôi 3 con nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 586; 589 Bộ luật dân sự: Đối với bị hại Phùng Minh B bị cáo đã bồi thường và anh B không có đề nghị gì nên không xem xét; Đề nghị buộc bị cáo Nông Thị H phải bồi thường cho chị H1 số tiền là 25.000.000đ.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do khó khăn nhất thời nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo rất hối hận, bị cáo sẽ thực hiện bồi thường, khắc phục hậu quả cho chị H1 trong thời gian sớm nhất, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về nuôi dạy con cái, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành

vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Thị H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra (BL 01-14; 60-79), phù hợp với lời khai của bị hại (BL 80-89), phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 92-93) cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nông Thị H đã có hành vi nhờ các bị hại chuyển tiền đến số tài khoản VietinBank số 106005145426 mang tên Cao Văn L (*Do H quản lý, sử dụng*) để chiếm đoạt tổng số tiền 31.000.000 đồng. Thực tế H không có tiền nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối nhờ các bị hại chuyển tiền trước và đưa tiền sau, sau đó lợi dụng các bị hại không để ý H đã chủ động bỏ trốn. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 174 BLHS quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ....”

[3] Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nông Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Nông Thị H có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã bồi thường cho anh Phùng Minh B số tiền 6.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại Phùng Minh B đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nông Thị H không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang nuôi 03 con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã bồi thường trả lại cho anh Phùng Minh B số tiền 6.000.000 đồng, anh B không có đề nghị gì nên HĐXX không xem xét. Đối với bị hại Nguyễn Thị H quá trình điều tra và tại phiên tòa có yêu cầu bị cáo Nông Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 25.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Đối với Cao Văn L là người đã đăng ký và sử dụng số tài khoản 103828999996 tại Ngân hàng Viettin Bank từ năm 2010, L có thời gian chung sống với H từ tháng 4 đến tháng 5/2020, sau đó không gặp nhau nữa. Trong thời gian này L có chuyển thông tin, số tài khoản của mình để cho H sử dụng, toàn bộ số tiền H chiếm đoạt được L không biết, cũng như không liên quan đến hành vi phạm tội của H, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo được cài đặt ứng dụng quản lý tài khoản ngân hàng và ứng dụng vay tiền H đã vứt đi ngay sau đó không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ và làm rõ được nên HĐXX không đề cập xem xét.

[9] Đối với đối tượng cho vay tiền online qua APP, do không có căn cứ xác định nhân thân, lai lịch của các đối tượng, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Nông Thị H phải chịu toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 174, Điều 38, Điều 48, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Thị H 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Thị H phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nông Thị H, bị hại Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại Phùng Minh B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Nhà Tạm giữ CA TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã H, huyện T, HN;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ